TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2021/HS-ST
Ngày 01 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh T và bà Đào Diệp T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kim Uyên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Trần Quang Thắng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 160/2021/TLST - HS ngày 29 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2021/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Minh T**; sinh ngày 08/6/1975, tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ 1, khu Tây S 1, phường Cẩm S, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L (Đã chết) và bà Đào Thị T (Đã chết); có 03 vợ đều đã ly hôn, có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt (theo Quyết định truy nã) ngày 25/8/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

*** Bị hại**: Chị Đặng Thị X; sinh năm: 1972; nơi cư trú: Tổ 3, khu 7, phường Mông D, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Tô Văn H; sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ 3, khu 7, phường Mông D, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Chị Nguyễn Thị L; sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 3, khu 7, phường Mông D, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Ông Vũ Đức T; sinh năm: 1978; nơi cư trú: Tổ 3, khu 7, phường Mông D, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Ông Chu Quốc T; sinh năm: 1967; nơi cư trú: Tổ 3, khu 7, phường Mông D, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Ông Đinh Công Q; sinh năm: 1970; nơi cư trú: Phố Lê L, thị trấn Đầm H, huyện Đầm H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh T có quen biết với chị Đặng Thị X từ năm 2002 khi T đang làm phụ xe tại bến xe Mông D. Khoảng tháng 6 năm 2020, T đến nhà chị X thuê ở trọ và nói dối chị X mình là người thuộc Bộ Công an đang đi làm nhiệm vụ nhưng chưa có chỗ ở. Do tưởng T nói thật, chị X cho T thuê trọ tại nhà mình với giá 3.000.000 đồng/tháng và bố trí để T ở cùng phòng với con trai chị X là Tô Văn H. Quá trình sinh hoạt ở đây, T biết chị X có ý định xin việc cho anh H nên nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền của chị X. Để tạo niềm tin cho chị X, T khoe có nhiều mối quan hệ quen biết với lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, có thể xin được việc, T thỏa thuận sẽ xin cho anh H vào làm việc tại Nhà máy nhiệt điện Mông D với chi phí xin việc là 60.000.000 đồng thì được chị X đồng ý. T còn gửi tin nhắn qua zalo cho chị X hình ảnh "Còng số 8", thẻ màu đỏ ghi chữ "Giấy chứng minh Công an nhân dân", "Giấy chứng nhận công dân phục vụ có thời hạn"; T đã trực tiếp cho chị X xem còng số 8 và còn mua 01 mũ cối màu xanh gắn Công an hiệu để sử dụng. Tin tưởng T có khả năng xin được việc, khoảng đầu tháng 7/2020, tại nhà riêng của mình, chị X đã đưa cho T số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) để T xin cho anh H vào làm việc tại Nhà máy nhiệt điện Mông D. Sau khi nhận được tiền, T đã ăn tiêu hết rồi bỏ bỏ trốn, để lại tại nhà chị X chiếc mũ cối gắn Công an hiệu, 01 chìa khóa còng số 8 và một số vật dụng, đồ dùng cá nhân khác. Đến ngày 25/8/2021, T bị bắt theo Quyết định truy nã.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Lê Minh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và khai: Chiếc còng số 8 T nhặt được ở đường bao biển thành phố Hạ Long, sau đó đã vứt đi nhưng nhưng không nhớ vị trí. Các hình ảnh "Còng số 8", thẻ màu đỏ ghi chữ "Giấy chứng minh Công an nhân dân", "Giấy chứng nhận công dân phục vụ có thời hạn" T đều tải trên mạng internet. Số tiền 60.000.000 đồng chiếm đoạt được của chị X, T đã chi tiêu cá nhân hết, sau khi phạm tội T đi lang thang sinh sống ở nhiều nơi, sau đó đến ở nhờ nhà bạn là anh Đinh Công Q; sinh năm: 1970; nơi cư trú: Phố Lê L, thị trấn Đầm H, huyện Đầm H, tỉnh Quảng Ninh. Đến thời điểm xét xử, T vẫn chưa bồi thường thiệt hại cho chị X.

Bị hại Đặng Thị X có lời khai tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của Lê Minh T về việc T nói dối mình là cán bộ Công an có nhiều mối quan hệ có thể xin việc cho con trai chị X là Tô Văn H. Sau khi nhận số tiền 60.000.000 đồng của chị X, T không thực hiện đúng cam kết. Chị X đã trực tiếp và gọi điện cho T để lấy lại tiền nhưng T không trả mà chiếm đoạt rồi bỏ trốn. Nguồn gốc số tiền chị X đã đưa cho T là tiền tiết kiệm riêng của chị X để dành xin việc cho anh H. Chị X đề nghị Lê Minh T phải trả lại toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng nêu trên đều có lời khai phù hợp với diễn biến, nội dung vụ án như đã nêu.

Giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 USB do chị X giao nộp, có nội dung ghi âm 02 cuộc điện thoại mà chị X và anh Vũ Đức T (cháu rể chị X) gọi nói chuyện với T để đòi lại tiền đã đưa cho T. Thu giữ của T 02 điện thoại nhãn hiệu Masstel và số tiền 20.000 đồng tại thời điểm T bị bắt.

Tại bản Cáo trạng số 166/CT-VKSCP ngày 28 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị can Lê Minh T, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Minh T từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 25/8/2021); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 589; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đặng Thị X tổng số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

- Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 chìa khóa còng số 8; 01 chiếc mũ cối màu xanh. Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Massel, màu đen, số IMEI 301014164780251, kèm 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Massel, màu đen, số IMEI 301014149096551, kèm 01 sim và số tiền 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng truy tố về hành vi phạm tội là đúng người, đúng tội, không oan, không sai; bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cẩm Phả, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với sơ đồ hiện trường, bản ảnh, tài sản bị thu giữ và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 7/2020, tại tổ 3, khu 7, phường Mông D, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Lê Minh T có hành vi lừa dối chị Đặng Thị X để chiếm đoạt số tiền 60.000.000 đồng của chị X. Bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có cơ sở pháp luật.

[3]. **Điều 174 Bộ luật hình sự quy định**

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: ...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng".

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền về tài sản của công dân đã được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do bản tính lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác. Bị cáo là người trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, do vậy cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[6] Về hình phạt:

[6.1] Về hình phạt chính: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định không những để trừng trị mà còn cải tạo, giáo dục bị cáo.

[6.2] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại):

Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị X yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 60.000.000 đồng đã chiếm đoạt và bị cáo đồng ý, xét thấy đây là thỏa thuận về dân sự dựa trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng: 01 chìa khóa còng số 8; 01 chiếc mũ cối màu xanh là công cụ phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy. Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Massel, màu đen, số IMEI 301014164780251, kèm 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Massel, màu đen, số IMEI 301014149096551, kèm 01 sim và số tiền 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) cơ quan Điều tra đã thu giữ là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt (ngày 25/8/2021).

2. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 589; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014):

Buộc bị cáo Lê Minh T phải bồi thường cho chị Đặng Thị X tổng số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thực hiện nghĩa vụ bồi thường (không trả hoặc trả không đầy đủ) thì bị cáo còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 chìa khóa

còng số 8; 01 chiếc mũ cối màu xanh. Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Massel, màu đen, số IMEI 301014164780251, kèm 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Massel, màu đen, số IMEI 301014149096551, kèm 01 sim và số tiền 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng).

Tình trạng những vật chứng, tài sản nêu trên theo Biên bản giao vật chứng, tài sản số: 27/BB-THA ngày 02/11/2021, giữa Công an thành phố Cẩm Phả và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; các điểm a và b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, các điểm a và c khoản 1 Điều 23, điểm b khoản 1 Điều 24, các khoản 2 và 8 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lê Minh T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Căn cứ vào: Các khoản 1 và 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quyền

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Cẩm Phả;
- Cơ quan THAHS Công an TP Cẩm Phả;
- VKSND TP Cẩm Phả;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THADS TP Cẩm Phả;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.